

「중소기업지원법」

- 국 가 · 지 역: 베트남
- 법 률 번 호: 제04/2017/QH14호
- 제 정 일: 2017년 06월 12일
- 시 행 일: 2018년 1월 1일

원문	번역문
<p><i>Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</i> <i>Quốc hội ban hành Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.</i></p> <p>Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</p> <p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Luật này quy định về nguyên tắc, nội dung, nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.</p> <p>Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Doanh nghiệp được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đáp ứng các tiêu chí xác</p>	<p>베트남 사회주의공화국 헌법에 근거하여, 국회는 중소기업지원법을 공포한다.</p> <p>제1장 총칙</p> <p>제1조 조정 범위 이 법은 중소기업 지원의 원칙, 내용, 재원, 중소기업지원 관련 기관, 단체 및 개인의 책임에 대하여 규정한다.</p> <p>제2조 적용 대상 1. 기업에 관한 법률 규정에 따라 설립·조직 및 운영되며, 이 법 규정에 따라 중소기업 결정기준을 충족하는 기업</p>

định doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật này.

2. Cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ* là doanh nghiệp nhỏ và vừa có một hoặc nhiều phụ nữ sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên, trong đó có ít nhất một người quản lý điều hành doanh nghiệp đó.

2. *Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo* là doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh.

3. *Chuỗi giá trị* là mạng lưới liên kết tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm hoặc dịch vụ, bao gồm các giai đoạn tiếp nối nhau từ hình thành ý tưởng, thiết kế, sản xuất, phân phối sản phẩm đến người tiêu dùng.

4. *Chuỗi phân phối sản phẩm* là

2. 중소기업지원 관련 기관, 단체 및 개인

제3조 용어 정의

이 법에서 사용하는 용어의 뜻은 다음과 같다.

1. "여성중소기업"이란 여성 1인 또는 수인이 정관자본금 51% 이상을 보유하고, 그 중 최소 1인이 해당 기업을 운영·관리하는 중소기업을 말한다.

2. "혁신창업중소기업"이란 지적 재산, 신기술 및 고속성장형 사업모델의 개발에 기초한 아이디어를 실현하기 위하여 설립된 중소기업을 말한다

3. "가치사슬"이란 상품 또는 서비스에 부가가치를 창출하기 위하여 아이디어 생성, 제품의 설계, 생산, 소비자에게 유통시키는 일련의 과정을 포함하는 연계망을 말한다.

4. "상품유통체인"이란 투자·사업

mạng lưới các trung gian thực hiện phân phối sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa đến người tiêu dùng do các doanh nghiệp, tổ chức đầu tư, kinh doanh thực hiện.

5. *Cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây gọi là cơ sở kỹ thuật)* là cơ sở cung cấp các thiết bị dùng chung để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thiết kế, thử nghiệm, đo lường, phân tích, giám định, kiểm định sản phẩm, hàng hóa, vật liệu.

6. *Cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây gọi là cơ sở ươm tạo)* là cơ sở cung cấp các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật, nguồn lực và dịch vụ cần thiết cho các tổ chức, cá nhân hoàn thiện ý tưởng kinh doanh, phát triển doanh nghiệp trong giai đoạn mới thành lập.

7. *Cụm liên kết ngành* là hình thức liên kết giữa các doanh nghiệp trong cùng ngành và doanh nghiệp, tổ chức có liên quan cùng hợp tác và cạnh tranh.

8. *Khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo (sau đây gọi là khu làm việc chung)* là khu vực

기업, 단체가 중간상으로서 중소기업의 상품을 소비자에게 유통시키는 활동을 수행하는 네트워크를 말한다.

5. "중소기업지원 기술시설"(이하 "기술시설"이라 한다)이란 중소기업의 제품·물품·자재의 설계, 실험, 측정, 분석, 감정, 점검을 지원하기 위하여 공동사용장치를 제공하는 시설을 말한다.

6. "중소기업 육성시설"(이하 "육성시설"이라 한다)이란 단체, 개인이 초기단계에서 사업 아이디어를 보완하고 기업을 발전시키도록 필요한 기반시설, 채용 및 서비스를 제공하는 시설을 말한다.

7. "산업클러스터"란 동종업계 기업, 관련이 있는 단체·기업 간의 상호 협력 및 경쟁을 위한 연결 형식을 말한다.

8. "혁신창업중소기업 지원공동사무실"(이하 "공동사무실"이라 한다)이란 혁신창업중소기업을 지원하고 상호 연결시키기 위하

cung cấp không gian làm việc tập trung, không gian trưng bày sản phẩm, cung cấp các tiện ích để hỗ trợ, liên kết các doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

여 집중적 작업공간, 제품진열공간 및 편의시설을 제공하는 공간을 말한다.

Điều 4. Tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa, có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người và đáp ứng một trong hai tiêu chí sau đây:

- a) Tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng;
- b) Tổng doanh thu của năm trước liền kề không quá 300 tỷ đồng.

2. Doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa được xác định theo lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp và xây dựng; thương mại và dịch vụ.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

제4조 중소기업 결정기준

1. 중소기업은 중기업, 소기업 및 영세기업을 포함하며, 연평균 사회보험 가입 근로자수가 200명을 초과하지 아니하고 다음의 두 가지 기준 중 하나를 충족한다.

- a) 총자본은 1,000억 동을 초과하지 아니한다.
- b) 직전년도 총매출액은 3,000억 동을 초과하지 아니한다.

2. 중기업, 소기업 및 영세기업은 농업·임업·어업, 산업·건설, 무역·서비스 분야에 따라 구분된다.

3. 정부는 이 조를 상세히 규정한다.

Điều 5. Nguyên tắc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

제5조 중소기업 지원의 원칙

1. Việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phải tôn trọng quy luật thị trường, phù hợp với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch về nội dung, đối tượng, trình tự, thủ tục, nguồn lực, mức hỗ trợ và kết quả thực hiện.

3. Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa có trọng tâm, có thời hạn, phù hợp với mục tiêu hỗ trợ và khả năng cân đối nguồn lực.

4. Việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nguồn lực ngoài Nhà nước do các tổ chức, cá nhân tài trợ được thực hiện theo quy định của tổ chức, cá nhân đó nhưng không được trái quy định của pháp luật.

5. Trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa đồng thời đáp ứng điều kiện của các mức hỗ trợ khác nhau trong cùng một nội dung hỗ trợ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan thì doanh nghiệp được lựa chọn mức hỗ trợ có lợi nhất.

Trường hợp nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa cùng đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định của

1. 중소기업의 지원은 시장의 법칙을 존중하며, 베트남 사회주의 공화국이 체약국인 국제조약에 부합하여야 한다.

2. 내용, 대상, 순서, 절차, 재원, 지원수준 및 실행결과에 대한 공개성, 투명성을 보장한다.

3. 국가는 기한을 정하여 지원목적과 재원균형능력에 부합하도록 중소기업을 핵심적으로 지원한다.

4. 국가의 재원이 아닌 단체, 개인의 후원으로 중소기업 지원시 해당 단체, 개인의 규정에 따라 이행할 수 있으나 법률 규정을 위배하여서는 아니 된다.

5. 중소기업이 이 법 규정 및 그 밖의 관련 법률 규정에 따라 동일한 지원 내용에 대하여 동시에 다른 수준의 지원 조건 또한 충족하는 경우, 기업은 가장 유리한 지원수준을 선택할 수 있다.

하나 이상의 중소기업이 이 법 규정에 따른 지원 조건을 동시에 충족하는 경우, 여성중소기업,

Luật này thì ưu tiên lựa chọn doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ hơn.

6. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được nhận hỗ trợ khi đã thực hiện đầy đủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Nguồn vốn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Nguồn vốn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm:

- a) Nguồn vốn tín dụng có hỗ trợ, bảo lãnh của Nhà nước;
- b) Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước;
- c) Nguồn vốn hỗ trợ từ miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất, tiền sử dụng đất và các khoản khác phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;
- d) Nguồn vốn hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

2. Nguồn vốn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được lập dự toán, thẩm định, phê duyệt, quyết toán theo

여성근로자를 더 많이 고용하는 중소기업을 우선적으로 선정한다.

6. 중소기업은 이 법 규정 및 그 밖의 관련 법률 규정을 온전히 이행하였을 때 지원을 받을 수 있다.

제6조 중소기업 지원자금 출처

1. 중소기업 지원자금 출처는 다음과 같다.

- a) 국가의 지원·보증이 있는 신용대출금
- b) 국가예산의 지원금
- c) 세금, 요금, 수수료, 토지임대료, 토지사용료, 법률 규정에 따라 국가예산에 납부하여야 하는 그 밖의 비용의 면제·감면을 통한 지원금
- d) 국내 및 해외 단체, 개인으로부터의 합법적 자금

2. 이 조 제1항제a호, 제b호와 제c호에 규정된 중소기업 지원자금 출처는 예산안으로 작성되며, 법률 규정에 따라 검토, 승인, 정산되어야 한다.

<p>quy định của pháp luật.</p> <p>Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm trong việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa không đúng nguyên tắc, đối tượng, thẩm quyền, nội dung, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. 2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để làm trái quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. 3. Phân biệt đối xử, gây chậm trễ, phiền hà, cản trở, sách nhiễu đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ chức, cá nhân hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. 4. Cố ý báo cáo, cung cấp thông tin giả mạo, không trung thực liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. 5. Sử dụng nguồn lực hỗ trợ không đúng mục đích đã cam kết. 	<p>제7조 중소기업 지원시 금지행위</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. 법률 규정에 따른 원칙, 대상, 권한, 내용, 순서, 절차와 상이하게 중소기업을 지원하는 행위 2. 직위, 권한을 남용하여 중소기업에 관한 법률 규정을 위반하는 행위 3. 중소기업, 중소기업지원 단체·개인에게 차별, 지체, 불편, 방해, 훼방을 유발시키는 행위 4. 중소기업 지원에 관한 허위·부정확한 정보를 고의로 보고 및 제공하는 행위 5. 약속한 목적과 상이하게 지원 재원을 사용하는 행위
<p>Chương II NỘI DUNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA</p> <p>Mục 1. HỖ TRỢ CHUNG</p> <p>Điều 8. Hỗ trợ tiếp cận tín dụng</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trong từng thời kỳ, Chính phủ quyết định chính sách hỗ trợ 	<p>제2장 중소기업 지원의 내용</p> <p>제1절 공통지원</p> <p>제8조 신용공여 지원</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. 정부는 시기별로 신용기관이 중소기업에 대한 대출잔액을 상

tổ chức tín dụng tăng dư nợ cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa; khuyến khích tổ chức tín dụng cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa dựa trên xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp và biện pháp phù hợp khác; khuyến khích thành lập tổ chức tư vấn độc lập để xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được cơ quan, tổ chức, cá nhân hỗ trợ xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh khả thi, tăng cường năng lực quản trị, kỹ năng quản lý, minh bạch hóa tài chính của doanh nghiệp để nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng.

3. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được cấp bảo lãnh tín dụng tại Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Điều 9 của Luật này.

Điều 9. Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập.

2. Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh

hàng để hỗ trợ tín dụng, hướng하도록 지원정책을 결정하며, 신용기관이 기업신용등급 및 그 밖의 적절한 조치에 기초하여 중소기업에 대출하도록 장려하며, 중소기업의 신용등급을 평가하기 위한 독립적인 자문기관의 설립을 장려한다.

2. 중소기업은 신용공여를 제공받을 가능성을 높이기 위하여 실현 가능한 생산·사업방안을 수립하고 경영능력, 관리능력, 기업재정 투명화를 강화하는 데 기관·단체·개인의 지원을 받는다.

3. 중소기업은 이 법 제9조 규정에 따른 신용보증기금으로부터 신용보증을 제공받는다.

제9조 중소기업 신용보증기금

1. 중소기업 신용보증기금은 예산 외의 국가재정기금으로 비영리 목적으로 운영되며 성급 인민위원회에 의하여 설립된다.

2. 중소기업 신용보증기금은 중

nghiệp nhỏ và vừa thực hiện chức năng cấp bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Việc bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa dựa trên tài sản bảo đảm hoặc phương án sản xuất, kinh doanh khả thi hoặc xếp hạng tín nhiệm của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa phải thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ bảo lãnh đã cam kết; không được từ chối bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đủ điều kiện được bảo lãnh.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 10. Hỗ trợ thuế, kế toán

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được áp dụng có thời hạn mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường áp dụng cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp siêu nhỏ được áp dụng các thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán đơn giản theo quy định của pháp luật về thuế, kế toán.

소기업에 신용보증을 제공하는 기능을 가진다.

중소기업의 신용보증은 담보재산 또는 실현 가능한 생산·사업방안 또는 중소기업의 신용등급에 기초한다.

3. 중소기업 신용보증기금은 약정한 보증의무에 맞게 온전히 이행하여야 하며, 보증 조건을 충족하는 중소기업에 대한 보증을 거부하여서는 아니 된다.

4. 정부는 이 조를 상세히 규정한다.

제10조 세금, 회계 지원

1. 중소기업은 일정 기간 동안 법인소득세에 관한 법률 규정에 따른 기업에 적용되는 일반세율보다 낮은 수준의 법인소득세율을 적용받는다.

2. 영세기업은 세금, 회계에 관한 법률 규정에 따라 간소화된 납세 행정절차 및 회계제도를 적용받는다.



Điều 11. Hỗ trợ mặt bằng sản xuất

1. Căn cứ vào điều kiện quỹ đất thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định bố trí quỹ đất để hình thành, phát triển cụm công nghiệp; khu chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung cho doanh nghiệp nhỏ và vừa phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

2. Căn cứ vào điều kiện ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định hỗ trợ giá thuê mặt bằng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp trên địa bàn. Thời gian hỗ trợ tối đa là 05 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê mặt bằng.

3. Việc hỗ trợ giá thuê mặt bằng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện thông qua việc bù giá cho nhà đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp để giảm giá cho thuê mặt bằng đối với

제11조 생산부지 지원

1. 성급 인민위원회는 중소기업 을 위하여 지역의 토지기금 현황 에 근거하여 승인된 토지이용 기본계획에 부합하는 산업클러스 터, 농·임산물, 해수산물 집중가 공구역의 형성·개발을 위한 토지 기금의 확보를 결정하도록 동급 인민의회에 보고한다.

2. 성급 인민위원회는 지방 예산 현황에 근거하여 중소기업에 지역 내 산업단지, 첨단기술구역, 산업클러스터에서의 부지 임대료 를 지원하도록 동급 인민의회에 보고한다. 최대 지원기간은 부지 임대차계약을 체결한 날로부터 5년이다.

3. 이 조 제2항에 규정된 중소기업에 대한 부지 임대료의 지원은 산업단지, 첨단기술구역, 산업클러스터 기반시설 투자자에게 대금을 보상함으로써 중소기업에 부지 임대료를 인하하도록 한다.

doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Số tiền bù giá được trừ vào số tiền thuê đất hoặc được hỗ trợ từ ngân sách địa phương.

4. Việc hỗ trợ mặt bằng sản xuất quy định tại Điều này không áp dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nhỏ và vừa có vốn nhà nước.

Điều 12. Hỗ trợ công nghệ; hỗ trợ cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung

1. Nhà nước có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nghiên cứu, đổi mới công nghệ, tiếp nhận, cải tiến, hoàn thiện, làm chủ công nghệ thông qua các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, tư vấn, tìm kiếm, giải mã, chuyển giao công nghệ; xác lập, khai thác, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp.

2. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập hoặc tham gia thành lập theo hình thức đối tác công tư cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung. Doanh nghiệp và tổ chức đầu tư, kinh doanh khác được thành lập cơ sở ươm tạo, cơ sở

보상금액은 토지 임대료에서 차감하거나 지방예산에서 지원한다.

4. 이 조에 규정된 생산부지의 지원은 외국인투자 중소기업, 국가자본을 보유한 중소기업에 적용되지 아니한다.

제12조 기술지원, 육성시설, 기술시설, 공동사무실 지원

1. 국가는 중소기업이 기술연구·교육·자문·모색·이전·역공학 활동을 통하여 기술을 연구, 혁신, 수용, 개선, 보완 및 숙달하도록 지원정책을 수립하며, 기업의 지식재산을 인정, 활용, 관리, 보호 및 발전시킨다.

2. 부, 부급 기관, 성급 인민위원회는 민관협력 방식에 따라 육성시설, 기술시설, 공동사무실을 설립하거나 설립에 참여한다. 기업 및 그 밖의 투자·사업단체는 육성시설, 기술시설, 공동사무실을 설립할 수 있다.

kỹ thuật, khu làm việc chung.

3. Cơ sở ương tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung được hưởng các hỗ trợ sau đây:

- a) Miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo quy định của pháp luật;
- b) Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Điều 13. Hỗ trợ mở rộng thị trường

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập hoặc tham gia thành lập chuỗi phân phối sản phẩm theo hình thức đối tác công tư. Doanh nghiệp và tổ chức đầu tư, kinh doanh khác được thành lập chuỗi phân phối sản phẩm.

2. Doanh nghiệp, tổ chức đầu tư, kinh doanh chuỗi phân phối sản phẩm có ít nhất 80% số doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cung ứng cho chuỗi sản phẩm sản xuất tại Việt Nam được hưởng các hỗ trợ sau đây:

- a) Miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo quy

3. 육성시설, 기술시설, 공동사무실은 다음의 지원을 받는다.

- a) 법률 규정에 따라 비농업 토지 임대료, 사용료, 세금을 면제·감면받는다.
- b) 법인소득세에 관한 법률 규정에 따라 일정 기간 동안 법인소득세를 면제·감면받는다.

제13조 시장확대 지원

1. 부, 부급 기관, 성급 인민위원회는 민관협력 방식에 따라 상품유통체인을 구축하거나 구축에 참여한다. 기업 및 그 밖의 투자·사업단체는 상품유통체인을 구축할 수 있다.

2. 베트남 내 생산된 상품의 유통에 참여하는 중소기업의 수가 최소 80% 이상인 상품유통체인에 투자·사업하는 기업, 단체는 다음의 지원을 받는다.

- a) 법률 규정에 따라 비농업 토지 임대료, 사용료, 세금을 면제·감면받는다.

<p>định của pháp luật;</p> <p>b) Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.</p> <p>3. Doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ được hưởng ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.</p>	<p>b) 법인소득세에 관한 법률 규정에 따라 일정 기간 동안 법인소득세를 면제·감면받는다.</p> <p>3. 소기업, 영세기업은 입찰에 관한 법률 규정에 따라 입찰자 선정시 우대를 받는다.</p>
<p>Điều 14. Hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý</p>	<p>제14조 정보, 자문 및 법률 지원</p>
<p>1. Các thông tin sau đây được công bố trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, trang thông tin điện tử của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp:</p> <p>a) Thông tin về kế hoạch, chương trình, dự án, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;</p> <p>b) Thông tin chỉ dẫn kinh doanh; thông tin về tín dụng, thị trường, sản phẩm, công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp;</p> <p>c) Các thông tin khác theo nhu cầu của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p>2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ,</p>	<p>1. 다음의 정보는 중소기업지원 국가정보포털, 각 부, 부급 기관, 성급 인민위원회, 사회단체, 직업·사회단체의 웹사이트에 공시된다.</p> <p>a) 중소기업 지원 계획, 프로그램, 계획안, 활동에 관한 정보</p> <p>b) 사업지침, 신용, 시장, 제품, 기술, 기업육성에 관한 정보</p> <p>c) 법률 규정에 부합하는 기업의 수요에 따른 그 밖의 정보</p> <p>2. 각 부, 부급 기관은 자신의</p>

trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, xây dựng mạng lưới tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây gọi là mạng lưới tư vấn viên). Doanh nghiệp nhỏ và vừa được miễn, giảm chi phí tư vấn khi sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan, tổ chức, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện các hoạt động sau đây để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa:

- a) Xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về pháp luật;
- b) Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý để cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tư vấn pháp luật.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 15. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được miễn, giảm chi phí tham gia các khóa đào tạo có sử dụng ngân sách nhà nước về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh

nhu, 권한 범위 내에서 중소기업을 위한 자문 서비스를 제공하는 단체·개인의 연결망(이하 '자문가 연결망'이라 한다)을 구축한다. 중소기업은 자문가 연결망의 서비스를 이용할 때 자문료를 면제·감면받는다.

3. 각 부, 부급 기관, 기관, 단체는 중소기업에 법률을 지원하기 위하여 자신의 임무, 권한 범위 내에서 다음의 활동을 수행한다.

- a) 법률에 관한 데이터베이스를 구축, 관리, 유지, 업데이트, 개발 및 사용한다.
- b) 정보 제공, 법률지식 함양, 법률 자문을 위한 법률지원프로그램을 수립하고 실시한다.

4. 정부는 이 조를 상세히 규정한다.

제15조 인적자원 개발 지원

1. 중소기업은 창업 및 기업경영, 중소기업 근로자를 위한 직업교육에 관한 국비교육과정 수강료를 면제·감면받는다.

nghiệp, đào tạo nghề cho lao động làm việc trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Nhà nước tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo trực tuyến, chương trình đào tạo trên các phương tiện thông tin đại chúng khác cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hoạt động đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực sản xuất, chế biến.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Mục 2. HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA CHUYỂN ĐỔI TỪ HỘ KINH DOANH, KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO, THAM GIA CỤM LIÊN KẾT NGÀNH, CHUỖI GIÁ TRỊ

Điều 16. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được hỗ trợ nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Trước khi thành lập doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã đăng ký và hoạt động theo quy định của pháp luật;
- b) Hộ kinh doanh có hoạt động

2. 국가는 중소기업을 위한 온라인 교육프로그램, 그 밖의 대중매체에서의 교육프로그램을 실시하며, 생산·가공 분야의 중소기업을 위한 현장교육 활동을 지원한다.

3. 정부는 이 조를 상세히 규정한다.

제2절 자영업에서 전환하는 중소기업, 혁신창업중소기업, 산업클러스터·가치사슬 참여 중소기업 지원

제16조 자영업에서 전환하는 중소기업 지원

1. 자영업에서 전환하는 중소기업은 다음의 조건을 충족할 때 지원을 받을 수 있다.

- a) 자영업자가 기업을 설립하기 전에 법률 규정에 따라 등록하여 운영하였어야 한다.
- b) 자영업자가 최초 기업등록

<p>sản xuất, kinh doanh liên tục ít nhất là 01 năm tính đến ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.</p> <p>2. Nội dung hỗ trợ bao gồm:</p> <p>a) Tư vấn, hướng dẫn miễn phí về hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp;</p> <p>b) Miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp lần đầu; miễn phí thẩm định, phí, lệ phí cấp phép kinh doanh lần đầu đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; miễn lệ phí môn bài trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;</p> <p>c) Tư vấn, hướng dẫn miễn phí về các thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;</p> <p>d) Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp;</p> <p>đ) Miễn, giảm tiền sử dụng đất có thời hạn theo quy định của pháp luật về đất đai.</p>	<p>증명서를 발급받은 날까지 최소 1년 동안 생산·사업 활동을 지속적으로 수행해 왔어야 한다.</p> <p>2. 지원의 내용은 다음을 포함한다.</p> <p>a) 기업설립 서류, 절차에 대한 무료 자문, 안내</p> <p>b) 최초 기업정보제공료 및 기업등록료 면제, 조건부 사업 분야·업종에 대한 최초 사업허가 발급 요금·수수료, 감정료 면제, 최초 기업등록증명서 발급 일로부터 3년 동안 사업면허세 면제</p> <p>c) 최초 기업등록증명서 발급 일로부터 3년 동안 납세 행정 절차 및 회계제도에 대한 무료 자문, 안내</p> <p>d) 법인소득세에 관한 법률 규정에 따라 일정 기간 동안 법인소득세 면제, 감면</p> <p>đ) 토지에 관한 법률에 따라 일정 기간 동안 토지사용료 면제, 감면</p>
--	---

3. Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật. Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh, chủ hộ kinh doanh phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các khoản nợ chưa thanh toán của hộ kinh doanh, trừ trường hợp có thỏa thuận khác theo quy định của pháp luật.

4. Hộ kinh doanh chấm dứt hoạt động kể từ thời điểm doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

5. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này.

Điều 17. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo được hỗ trợ nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Có thời gian hoạt động không quá 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận

3. 자영업에서 전환하는 중소기업은 법률 규정에 따라 자영업자의 모든 합법적 권리, 의무 및 이익을 승계받는다. 유한책임회사 또는 주식회사가 자영업에서 전환됨으로써 설립된 경우, 자영업 대표자는 자신의 모든 재산으로 자영업자의 미변제 채무에 대한 책임을 지되, 법률 규정에 따라 별도의 합의가 있는 경우를 제외한다.

4. 자영업자의 운영은 자영업에서 전환하는 중소기업이 기업등록증명서를 발급받은 날부터 종료된다.

5. 정부는 이 조 제2항을 상세히 규정한다.

제17조 혁신창업중소기업 지원

1. 혁신창업중소기업은 다음의 조건을 충족할 때 지원을 받을 수 있다.

- a) 활동기간이 최초 기업등록증명서 발급일로부터 5년을 초과하지 아니하여야 한다.

<p> đăng ký doanh nghiệp lần đầu; b) Chưa thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng đối với công ty cổ phần. 2. Nội dung hỗ trợ bao gồm: a) Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao công nghệ; hỗ trợ sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật; hỗ trợ tham gia cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; hướng dẫn thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ và mô hình kinh doanh mới; b) Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu về xây dựng, phát triển sản phẩm; thu hút đầu tư; tư vấn về sở hữu trí tuệ; thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; c) Hỗ trợ thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo, thu hút đầu tư từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo; d) Hỗ trợ thực hiện thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ; đ) Trong từng thời kỳ, Chính </p>	<p> b) 주식회사의 경우, 대중에 증권을 공모한 적이 없어야 한다. 2. 지원의 내용은 다음을 포함한다. a) 기술이전·응용 지원, 기술시설에서 설비사용 지원, 육성시설, 공동사무실에 참가 지원, 신제품 및 신사업모델 실험, 보완 지도 b) 제품 구축·개발, 투자유치에 대한 심도교육·훈련, 지식재산권에 대한 자문, 기술표준·기준, 품질에 관한 절차 수행 c) 정보 지원, 홍보, 무역촉진, 혁신창업네트워크 연결, 혁신창업투자기금에서 투자유치 지원 d) 과학연구 및 기술개발, 지적재산 활용 및 개발 결과의 상업화 지원 đ) 정부가 시기별로 혁신창업 </p>
--	--

<p>phủ quyết định chính sách cấp bù lãi suất đối với khoản vay của doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo. Việc cấp bù lãi suất được thực hiện thông qua các tổ chức tín dụng.</p> <p>3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p> <p>Điều 18. Đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo</p> <p>1. Nhà đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo bao gồm quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài thực hiện hoạt động kinh doanh thông qua việc góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.</p> <p>2. Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo được hình thành từ vốn góp của các nhà đầu tư tư nhân để đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo các nguyên tắc sau đây:</p> <p>a) Đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo không quá 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp sau khi nhận đầu tư;</p>	<p>중소기업의 대출에 대한 금리 인하 정책을 결정한다. 금리인하는 신용기관을 통해 이루어진다.</p> <p>3. 정부는 이 조를 상세히 규정한다.</p> <p>제18조 혁신창업중소기업을 위한 투자</p> <p>1. 혁신창업중소기업을 위한 투자자는 혁신창업투자기금, 혁신창업중소기업의 설립에 자본출자, 주식·출자지분 매수를 통하여 사업활동을 수행하는 국내외 단체·개인을 포함한다.</p> <p>2. 혁신창업투자기금은 개인투자자의 출자금으로 조성되며, 다음의 원칙에 따라 혁신창업중소기업에 투자한다.</p> <p>a) 투자를 받은 후 혁신창업중소기업의 정관자본금의 50%를 초과하지 아니하도록 기업에 투자한다.</p>
---	---

<p>b) Nhà đầu tư tư nhân góp vốn vào quỹ phải có điều kiện tài chính và chịu trách nhiệm về vốn góp của mình.</p> <p>3. Nhà đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo tại khoản 1 Điều này được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn đối với thu nhập từ khoản đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.</p> <p>4. Căn cứ vào điều kiện ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định giao cho tổ chức tài chính nhà nước của địa phương thực hiện đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo các nguyên tắc sau đây:</p> <p>a) Lựa chọn các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo đủ điều kiện để cùng đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo;</p> <p>b) Khoản vốn đầu tư từ ngân sách địa phương không quá 30% tổng vốn đầu tư mà doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo huy động được từ các quỹ đầu</p>	<p>b) 기금에 자본을 출자한 개인 투자자가 재무요건을 충족하고 자신의 출자지분에 대한 책임을 진다.</p> <p>3. 이 조 제1항에 명시된 혁신창업중소기업을 위한 투자자는 일정 기간 동안 법인소득세에 관한 법률 규정에 따라 혁신창업중소기업에 투입한 투자금으로 발생한 수익에 대한 법인소득세를 면제·감면받는다.</p> <p>4. 성급 인민위원회는 지방예산 현황에 근거하여 지역 국가금융기관이 다음의 원칙에 따라 혁신창업중소기업에 투자를 담당하도록 결정하기 위하여 동급 인민위원회에 이를 보고한다.</p> <p>a) 혁신창업중소기업에 공동 투자하기 위하여 조건을 충족하는 혁신창업투자기금을 선정한다.</p> <p>b) 지방예산의 투자금은 혁신창업기업이 선정된 혁신창업투자기금에서 조달한 총투자금의 30%를 초과하지 아니한다.</p>
--	--

<p>tư khởi nghiệp sáng tạo được lựa chọn;</p> <p>c) Tiến hành chuyển nhượng vốn đầu tư cho nhà đầu tư tư nhân trong thời hạn 05 năm kể từ thời điểm góp vốn đầu tư. Việc chuyển nhượng vốn đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.</p> <p>5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p> <p>Điều 19. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị</p> <p>1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực sản xuất, chế biến được hỗ trợ nếu đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Tạo ra sản phẩm có lợi thế cạnh tranh về chất lượng và giá thành;</p> <p>b) Có đổi mới sáng tạo về quy trình công nghệ, vật liệu, linh kiện, máy móc, thiết bị.</p> <p>2. Nội dung hỗ trợ bao gồm:</p> <p>a) Đào tạo chuyên sâu về công</p>	<p>c) 투자자본 출자시점으로부터 5년 이내에 개인투자자에게 투자금을 이전한다. 투자자본의 이전은 기업의 생산·사업에 투자되는 국가자본의 관리·사용에 관한 법률 규정에 따라 이 행한다.</p> <p>5. 정부는 이 조를 상세히 규정 한다.</p> <p>제19조 산업클러스터·가치사슬에 참여하는 중소기업 지원</p> <p>1. 생산·가공 분야의 산업클러스터·가치사슬에 참여하는 중소기업은 다음의 각 조건 중 하나를 충족하는 경우 지원을 받을 수 있다.</p> <p>a) 품질과 가격면에서 경쟁우위를 가진 제품을 생산하여야 한다.</p> <p>b) 기술프로세스, 자재, 구성요소, 기계, 장비에 대한 창조적 변화가 있어야 한다.</p> <p>2. 지원의 내용은 다음을 포함한다.</p> <p>a) 산업클러스터·가치사슬에</p>
--	--

<p> nghệ, kỹ thuật sản xuất; tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng, chiến lược phát triển sản phẩm theo cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; </p> <p> b) Cung cấp thông tin về nhu cầu kết nối, sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; </p> <p> c) Hỗ trợ phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường sản phẩm của cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; </p> <p> d) Hỗ trợ sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; </p> <p> đ) Trong từng thời kỳ, Chính phủ quyết định chính sách cấp bù lãi suất đối với khoản vay của doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị. Việc cấp bù lãi suất được thực hiện thông qua các tổ chức tín dụng. </p> <p> 3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này. Việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị </p>	<p> 따라 기술, 생산공학에 대한 심도교육, 기술표준·기준, 측정, 품질, 제품 개발전략에 대한 자문 </p> <p> b) 산업클러스터·가치사슬에 참여하는 중소기업의 연결수요·생산·사업에 관한 정보 제공 </p> <p> c) 상표 개발, 산업클러스터·가치사슬의 제품시장 확대 지원 </p> <p> d) 산업클러스터·가치사슬에 참여하는 중소기업의 제품 실험, 점검, 감정, 품질인증 지원 </p> <p> đ) 정부가 시기별로 산업클러스터·가치사슬에 참여하는 중소기업의 대출에 대한 금리 인하 정책을 결정한다. 금리인하는 신용기관을 통해 이루어진다. </p> <p> 3. 정부는 이 조를 상세히 규정한다. 생산·가공 분야에 해당하지 아니하는 산업클러스터·가치사슬에 참여하는 중소기업의 지 </p>
--	--

không thuộc lĩnh vực sản xuất, chế biến do Chính phủ quy định sau khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến.

원은 국회상무위원회가 의견을 제시한 후 정부가 규정한다.

Điều 20. Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

제20조 중소기업발전기금

1. Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, do Thủ tướng Chính phủ thành lập, thực hiện các chức năng sau đây:

1. 중소기업발전기금은 정부 총리에 의하여 설립되고 비영리 목적으로 운영되는 예산 외의 국가 재정기금이며, 다음의 기능을 수행한다.

- a) Cho vay, tài trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị;
- b) Tiếp nhận và quản lý nguồn vốn vay, tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác của các tổ chức, cá nhân để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- a) 혁신창업중소기업, 산업클러스터·가치사슬에 참여하는 중소기업에 대출, 후원
- b) 중소기업을 지원하기 위하여 단체, 개인의 대출금, 후원금, 보조금, 원조금, 기부금 및 위탁금 수령 및 관리

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

2. 정부는 이 조를 상세히 규정한다.

Chương III TRÁCH NHIỆM TRONG HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

제3장 중소기업 지원 활동시의 책임

Điều 21. Trách nhiệm của Chính phủ

제21조 정부의 책임

1. Thống nhất quản lý nhà nước

1. 중소기업 지원에 대한 국가관

về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Xây dựng dự toán ngân sách để thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong dự toán ngân sách nhà nước trình Quốc hội xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Ban hành theo thẩm quyền chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn lực ngoài Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 22. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Thực hiện vai trò điều phối, xác định mục tiêu, đối tượng, trọng tâm hỗ trợ để xây dựng và triển khai các kế hoạch, chương trình, dự án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên phạm vi toàn quốc; chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ bố trí nguồn vốn chi đầu tư phát triển để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và

ri를 통일시킨다.

2. 국가예산안에서 중소기업 지원 정책 시행을 위한 예산안을 편성하여 국가예산에 관한 법률 규정에 따라 국회가 이를 심사하여 결정하도록 제출한다.

3. 단체·개인이 국가의 재원이 아닌 그 밖의 중소기업 지원재원을 사용하도록 권한에 따라 장려 정책을 공포한다.

제22조 기획투자부의 책임

1. 정부가 중소기업 지원에 대한 국가관리를 통일시키도록 보좌한다. 중소기업 지원 활동을 종합하여 정부, 정부 총리에게 보고한다.

2. 전국적 범위에서 중소기업 지원 계획, 프로그램, 프로젝트를 수립하고 전개하기 위하여 조정의 역할을 수행하고 목표, 대상, 핵심지원을 확정하며, 이 법 규정에 따라 중소기업 지원을 위한 개발투자 자금을 배정하도록 주도하고 각 부·부급기관과 협조한다.

vừa theo quy định của Luật này.

3. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Bộ và cơ quan ngang Bộ khác xây dựng hệ thống thông tin phục vụ xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 23. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Hướng dẫn về thủ tục hành chính thuế, chế độ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ; việc thực hiện các chính sách thuế, phí, lệ phí đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ bố trí nguồn vốn để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Công bố thông tin về việc chấp hành pháp luật về thuế, hải quan và việc thực hiện nghĩa vụ tài chính khác của các doanh nghiệp nhỏ và vừa để xây dựng hệ thống thông tin phục vụ xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp

3. 중소기업 지원 업무를 수행하는 간부, 공무원, 공직자에게 교육을 실시하고 양성한다.

4. 중소기업 신용등급 평가 정보 시스템을 구축하도록 주도하며 재무부, 베트남 국가은행 및 그 밖의 부·부급기관과 협조한다.

제23조 재무부의 책임

1. 영세기업에 납세 행정절차, 회계제도에 대하여 안내하며, 중소기업에 세금, 요금, 수수료 관련 정책의 실행에 대하여 안내한다.

2. 이 법 규정 및 그 밖의 관련 법률 규정에 따라 중소기업 지원 자금을 배정하도록 주도하며 각 부·부급기관과 협조한다.

3. 중소기업 신용등급 평가 정보 시스템을 구축하기 위하여 중소기업의 세금·세관에 관한 법률의 집행 및 그 밖의 재정적 의무의 이행 여부에 관한 정보를 공포한다.

nhỏ và vừa.

Điều 24. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

- a) Ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- b) Tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- c) Tổ chức việc thống kê và công bố thông tin về doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- d) Hướng dẫn doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị;
- đ) Ưu tiên bố trí nguồn lực để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Bộ Công Thương có trách nhiệm hướng dẫn doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi phân phối sản phẩm.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm hướng dẫn việc thành lập cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung; hỗ

제24조 각 부·부급기관의 책임

1. 부·부급기관은 자신의 임무, 권한 범위 내에서 다음의 책임이 있다.

- a) 중소기업 지원정책을 공포하거나 주무관청에 이를 공포하도록 제시한다.
- b) 중소기업 지원업무를 수행·감독·검사하고 업무수행을 평가한다.
- c) 중소기업에 관한 통계를 실시하고 정보를 공포한다.
- d) 중소기업이 산업클러스터, 가치사슬에 참여하도록 안내한다.
- đ) 중소기업을 지원하기 위하여 재원을 우선적으로 배분한다.

2. 산업무역부는 중소기업이 상품유통체인에 참여하도록 안내할 책임이 있다.

3. 과학기술부는 육성시설, 기술시설, 공동사무실의 설립을 안내하며, 중소기업이 기술역량을 강화하도록 지원할 책임이 있다.

trợ nâng cao năng lực công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn các địa phương bố trí quỹ đất để hình thành, phát triển cụm công nghiệp; khu chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

5. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách của Chính phủ về hỗ trợ tổ chức tín dụng tăng dư nợ cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 25. Trách nhiệm của chính quyền địa phương cấp tỉnh

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:

- a) Thực hiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11, khoản 4 Điều 18 của Luật này;
- b) Ban hành chính sách và bố trí nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương; quyết định dự toán ngân sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;
- c) Giám sát việc tuân theo

4. 자원환경부는 각 지자체가 중소기업에 산업클러스터, 농·임산물, 해수산물 집중가공구역의 형성·개발을 위한 토지기금을 배정하도록 안내할 책임이 있다.

5. 베트남 국가는행은 중소기업에 대한 대출잔액 상향 지원에 관한 정부의 정책을 실행할 책임이 있다.

제25조 성급 지방정부의 책임

1. 성급 인민의회는 다음의 책임이 있다.

- a) 이 법 제11조제1항, 제2항 및 제18조제4항 규정을 이행한다.
- b) 지역의 중소기업 지원 정책을 공포하고 재원을 배분하며, 국가예산에 관한 법률 규정에 따라 중소기업 지원 예산안을 결정한다.
- c) 지역 내 중소기업 지원에

<p>pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) Xây dựng và tổ chức triển khai hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương; kế hoạch, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh;</p> <p>b) Kiểm tra, đánh giá công tác hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền;</p> <p>c) Tôn vinh doanh nghiệp nhỏ và vừa có thành tích, đổi mới sáng tạo, góp phần phát triển kinh tế · xã hội của địa phương.</p>	<p>관한 법률의 준수 여부를 감독한다.</p> <p>2. 성급 인민위원회는 다음의 책임이 있다.</p> <p>a) 지역 내 중소기업 지원을 전개하며, 자영업에서 전환하는 중소기업 지원 계획, 프로그램을 수립하고 실행한다.</p> <p>b) 지역 내 중소기업 지원 업무를 검사·평가하며, 주무관청에 보고한다.</p> <p>c) 혁신성과를 거두고 지역 사회경제 발전에 기여한 중소기업을 포상한다.</p>
<p>Điều 26. Trách nhiệm của các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội · nghề nghiệp trong việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa</p> <p>1. Đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, huy động các nguồn lực hỗ trợ hội viên là doanh nghiệp nhỏ và vừa.</p> <p>2. Tham gia xây dựng, phản biện, triển khai chính sách liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp</p>	<p>제26조 사회단체, 직업·사회단체의 중소기업 지원시의 책임</p> <p>1. 중소기업인 회원을 대표하며, 합법적 권리·이익을 보호하고 지원 재원을 동원한다.</p> <p>2. 중소기업 지원과 관련된 정책을 수립, 비판, 전개에 참여하며, 중소기업 지원 프로그램의 평가</p>

<p>nhỏ và vừa; tham gia đánh giá các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.</p> <p>3. Thực hiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật và điều lệ của tổ chức xã hội, tổ chức xã hội · nghề nghiệp.</p> <p>4. Thúc đẩy liên kết giữa các doanh nghiệp lớn với các doanh nghiệp nhỏ và vừa.</p>	<p>에 참여한다.</p> <p>3. 법률 규정 및 사회단체, 직업·사회단체의 정관에 따라 중소기업 지원 서비스를 제공한다.</p> <p>4. 대기업과 중소기업 간의 제휴를 촉진한다.</p>
<p>Điều 27. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa</p> <p>1. Thực hiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo các điều kiện, cam kết với cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật này; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tuân thủ các thủ tục hành chính.</p> <p>2. Cung cấp thông tin, tài liệu kịp thời, đầy đủ và chính xác cho cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để chứng minh, xác nhận việc cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.</p> <p>3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm với cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh</p>	<p>제27조 중소기업 지원 서비스 제공 단체의 책임</p> <p>1. 이 법 규정에 따라 중소기업 지원 기관·단체와 약속한 사항, 조건에 맞게 중소기업 지원 서비스를 제공하며, 중소기업이 행정 절차를 준수하도록 지원한다.</p> <p>2. 중소기업 지원 서비스의 제공을 증명하고 확인하기 위하여 중소기업 지원 기관·단체에 온전하고 정확한 정보, 자료를 적시에 제공한다.</p> <p>3. 중소기업 지원 서비스 제공계약에 따라 법적 책임을 지고 중소기업 지원 기관·단체에 앞서</p>

nghiệp theo hợp đồng cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4. Tham gia, phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đầu tư thành lập, quản lý và vận hành tổ chức thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo hình thức đối tác công tư hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Trách nhiệm của doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Cung cấp thông tin, tài liệu về doanh nghiệp kịp thời, đầy đủ, chính xác theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, tài liệu đã cung cấp.
2. Tuân thủ quy định của pháp luật; thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước.
3. Thực hiện đúng cam kết với cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.
4. Bố trí nguồn lực đối ứng để tiếp nhận, phối hợp và tổ chức thực hiện có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ.

Điều 29. Công khai thông tin hỗ

trách nhiệm của mình.

4. 주무관청과 협조하여 민관협력 방식 또는 법률 규정에 따른 그 밖의 방식에 따라 중소기업 지원 단체의 설립, 관리 및 운영에 투자한다.

제28조 중소기업의 책임

1. 중소기업 지원 기관·단체의 요청에 따라 기업에 관한 정보·자료를 적시에 온전하고 정확하게 제공하며, 제공한 정보·자료에 대한 법적 책임을 진다.
2. 법률 규정을 준수하며, 국가에 대한 의무를 이행한다.
3. 중소기업 지원 기관·단체와의 약속을 이행한다.
4. 지원 재원을 받아 효율적으로 운영하고 협동하기 위하여 상응하는 재원을 배치한다.

제29조 중소기업 지원 정보의 공

<p>trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa</p> <p>1. Cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện công khai nội dung, chương trình, kết quả thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các thông tin khác có liên quan.</p> <p>2. Việc công khai thông tin hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được thực hiện theo các hình thức sau đây:</p> <p>a) Niêm yết công khai tại cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;</p> <p>b) Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của cơ quan thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.</p> <p>3. Việc công khai thông tin hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phải được thực hiện chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày nội dung, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại khoản 1 Điều này được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>Điều 30. Kiểm tra, giám sát việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa</p>	<p>개</p> <p>1. 중소기업 지원 기관은 중소기업 지원 내용, 프로그램, 실행결과 및 그 밖의 관련 정보를 공개한다.</p> <p>2. 중소기업 지원 정보의 공개는 다음의 형식에 따라 이행한다.</p> <p>a) 중소기업 지원 기관에서 공개적으로 게시하는 형식</p> <p>b) 대중매체, 중소기업 지원 기관의 웹사이트, 중소기업 지원 국가정보포털에 공지하는 형식</p> <p>3. 중소기업 지원 정보의 공개는 이 조 제1항에 규정된 중소기업 지원 내용, 프로그램이 주무관청의 승인을 받은 날부터 30일 이내에 실행하여야 한다.</p> <p>제30조 중소기업 지원의 검사, 감독</p>
--	---

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân tài trợ kiểm tra, giám sát việc thực hiện nội dung, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật.
2. Nội dung kiểm tra, giám sát bao gồm:
 - a) Việc lựa chọn đối tượng hỗ trợ; việc thực hiện trình tự, thủ tục và nội dung hỗ trợ;
 - b) Việc chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ, tài trợ;
 - c) Việc thực hiện công khai thông tin hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại Điều 29 của Luật này.

Điều 31. Đánh giá hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Cơ quan, tổ chức chủ trì thực hiện nội dung, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tổ chức đánh giá kết quả thực hiện, tác động dự kiến đối với đối tượng hỗ trợ và công khai kết quả đánh giá theo các hình thức quy định tại khoản 2 Điều 29 của Luật này.
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư định kỳ tổ chức đánh giá độc lập tác động của nội dung, chương trình

1. 주무관청, 후원 단체·개인은 법률 규정에 따라 중소기업 지원 내용, 프로그램의 실행을 검사하고 감독한다.
2. 검사, 감독의 내용은 다음을 포함한다.
 - a) 지원대상의 선정, 진행 순서·절차 및 지원내용
 - b) 지원금, 후원금 관리·사용시의 법률 준수 여부
 - c) 이 법 제29조에 규정된 중소기업 지원 정보의 공개 시행 여부

제31조 중소기업 지원의 평가

1. 중소기업 지원 내용, 프로그램을 주관하는 기관, 단체는 실행결과, 지원대상에게 예상되는 영향을 평가하며, 이 법 제29조 제2항에 규정된 형식을 통하여 평가결과를 공개한다.
2. 기획투자부는 중소기업 지원 내용, 프로그램의 영향에 대한 독립적인 평가를 정기적으로 실

hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 32. Xử lý vi phạm pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Luật này thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.
2. Quyết định xử lý vi phạm đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phải được công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan thực hiện hỗ trợ và Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan

1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 như sau:
 - a) Bổ sung điểm o vào khoản 1 Điều 16 như sau:

“o) Đầu tư kinh doanh chuỗi phân phối sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa; đầu tư kinh doanh cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa; đầu tư kinh doanh khu

si한다.

제32조 중소기업 지원에 관한 법률 위반처분

1. 이 법 규정을 위반한 중소기업, 기관, 단체, 개인은 법률 규정에 따라 처분한다.
2. 중소기업 지원에 관한 법률을 위반한 기관, 단체, 개인에 대한 위반처분 결정은 지원 기관의 웹사이트 및 중소기업 지원 국가정보포털에 공포하여야 한다.

제4장 시행조항

제33조 관련 법률의 일부조항의 개정, 보완

1. 투자법 제67/2014/QH13호의 일부조항을 다음과 같이 개정하고 보완한다.
 - a) 제16조제1항에 다음의 제o호를 추가한다.

“o) 중소기업 지원에 관한 법률 규정에 따른 중소기업의 상품유통체인 사업투자, 중소기업 지원 기술시설, 중소기업 육성 시설 사업투자, 혁신창업중소기업 지원 공동사무실 사업투자”

<p>làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.”;</p> <p>b) Sửa đổi khoản 2 Điều 19 như sau:</p> <p>“2. Chính phủ quy định chi tiết các hình thức hỗ trợ đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp đầu tư vào giáo dục, phổ biến pháp luật và các đối tượng khác phù hợp với định hướng phát triển kinh tế · xã hội trong từng thời kỳ.”.</p> <p>2. Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 14 của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 như sau:</p> <p>“c) Nhà thầu là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ.”.</p> <p>Điều 34. Hiệu lực thi hành</p> <p>Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.</p> <p>Điều 35. Quy định chuyển tiếp</p> <p>1. Kể từ ngày Luật này có hiệu</p>	<p>b) 제19조제2항을 다음과 같이 개정한다.</p> <p>“2. 정부는 첨단기술기업, 과학기술기업, 과학기술단체, 농업·농촌 투자기업, 법률 교육·보급 투자기업 및 시기별 사회경제적 발전 방향에 적합한 그 밖의 대상에 대하여 이 조 제1항에 규정된 투자지원의 형식을 상세히 규정한다.”</p> <p>2. 입찰법 제43/2013/QH13호 제14조제3항제c호를 다음과 같이 개정한다.</p> <p>“c) 소기업, 영세기업인 입찰자”</p> <p>제34조 시행효력</p> <p>이 법은 2018년 1월 1일부터 시행효력이 발생한다.</p> <p>제35조 경과조항</p> <p>1. 중소기업 지원 활동은 이 법</p>
---	---

lực thi hành, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trước ngày Luật này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo nội dung, chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt; trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định của Luật này thì được thực hiện theo quy định của Luật này.

2. Kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, các cam kết do Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện trước ngày Luật này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện, nếu các bên không có thỏa thuận khác.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 12 tháng 6 năm 2017.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Nguyễn Thị Kim Ngân

발효일 전에 승인된 내용, 계획, 프로그램에 따라 계속 이행하며, 중소기업은 이 법 규정에 따른 조건을 충족하는 경우 이 법 규정에 따라 이행할 수 있다.

2. 이 법 시행일부터 당사자 간에 별도로 합의하지 아니한 경우, 중소기업발전기금은 이 법 발효일 전에 이행하던 약속을 계속하여 이행한다.

이 법은 2017년 6월 12일 베트남 사회주의공화국 제14대 국회 제3차 회기에서 통과되었다.

국회의장

응웬 티 김 응언